

Bản án số: 373/2022/HSPT

Ngày: 29-8-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Long

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Tấn Hoàng

Ông Trần Quốc Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Phước Thạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 190/2022/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Lê Anh T cùng đồng phạm, về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”; do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HSST ngày 08/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**1. Lê Anh T**, sinh ngày 23/6/1989, tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng Trị; chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; có vợ là Mai Thị Diệu A, sinh năm 1990 và có 02 người con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 6 năm 2020 sau đó chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn T D**, sinh ngày 21/5/1994, tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp:

không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không xác định được cha đẻ) con bà Nguyễn Thị Kiều O; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 6 năm 2020, sau đó chuyển tạm giam cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

**3. Nguyễn Ngọc T**, sinh ngày 20/12/1989, tại tỉnh Quảng Trị; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960; có vợ là Trần Nguyễn Thùy D, sinh năm 1990 và có 01 người con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18 tháng 6 năm 2020, đến ngày 23/4/2021 thì được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam sang “bảo lãnh” cho đến nay, vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lê Anh T*: Ông Lê Hồng K - Luật sư Văn phòng Luật sư H, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn T D* : Ông Lê Hùng N - Luật sư Công ty luật Trách nhiệm hữu hạn một thành viên N, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Ngoài ra, vụ án còn có 15 bị hại, nhưng không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Lê Anh T là người có kiến thức về lập trình do có thời gian được học về công nghệ thông tin tại thành phố Đà Nẵng, nhưng để có tiền sử dụng vào mục đích cá nhân, T nảy sinh ý định lập các trang Website giả chuyên tiền nhanh để chiếm đoạt tiền của những người bán hàng trên Website mua bán trực tuyến. Khoảng tháng 9 năm 2019, T đến thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thuê trọ tại Chung cư X và tự mua cho mình 02 máy tính xách tay nhãn hiệu Dell và Asus, 02 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo và Nokia để làm công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, T tìm hiểu thêm trên mạng Internet sau đó trả cho người tên “T” (trên mạng Internet) số tiền 800.000 đồng để mua tên miền, sau đó lập 01 trang Website giả có tên miền <http://www.westerns-union.com/un/>. Đây là trang Website giả về chuyển tiền nhanh mang tên miền tương tự một ngân hàng quốc tế có uy tín về chuyển tiền và nhận tiền; mục đích của việc lập Website này là nhằm lấy cắp thông tin tài khoản ngân hàng và mã OTP của người bị hại.

Cách thức T lừa người bị hại để chiếm đoạt thông tin tài khoản và mã OTP được thực hiện như sau: trước hết T đi tìm mua nhiều sim điện thoại di động (không xác định được người bán sim, sim rác) rồi tạo ra các tài khoản Facebook có hình ảnh là các phụ nữ sang trọng người Việt Nam định cư ở nước ngoài trên 02 máy tính của mình, các tài khoản Facebook này có số điện thoại liên kết là các sim rác mà T đã mua. Sau đó T tiến hành tìm hiểu thông tin những người bán hàng trên mạng Internet khắp toàn quốc để vào ứng dụng nhắn tin của Facebook hỏi mua hàng của họ, sau khi giả vờ đồng ý mua hàng, T nói họ tính tiền hàng và chi phí vận chuyển, sau đó yêu cầu bị hại cung cấp số tài khoản ngân hàng và số điện thoại để chuyển tiền thanh toán trước hoặc đặt cọc. Khi có được số điện thoại của bị hại, T sử dụng điện thoại ViVo gửi tin nhắn đã cài mặc định sẵn nội dung: *“Western Union xin thông báo SD TK (của bị hại): ten ngan hang (Ngân hàng bị hại mở tài khoản) + 1.000.000VND nhan 45.56 USD tu dich vu chuyen tien nhanh quoc te Western Union - Ma giao dich nhan tien 5554251324. Quy khách vui long xác thực thông tin người nhận tại hệ thống Website ngân hàng Western Union để được công ngay số tiền này vào tài khoản trên website <http://www.Western Union.com/un/>, gửi ngay cho bị hại, để bị hại nhập mã OTP. T lấy điện thoại Nokia lắp sim rác rồi điện thoại cho bị hại giả là nhân viên của một ngân hàng tại Việt Nam và thông báo đã nhận được yêu cầu của ngân hàng quốc tế nói trên. Khi bị hại nhấn vào đường dẫn trên thì xuất hiện giao diện của ngân hàng “Western Union” và có sẵn các ô trống để bị hại điền thông tin vào như: họ tên người thừa hưởng; số tiền nhận; mã giao dịch quốc tế; số điện thoại, mục đích để T chiếm đoạt mã OTP và khi bị hại đã điền thông tin vào các ô thì Website sẽ tự động chuyển dữ liệu về email [matolam2019s@gmail.com](mailto:matolam2019s@gmail.com) trên máy tính Dell của T. Ngay khi chiếm đoạt được mã chuyển tiền OTP của tài khoản bị hại, thì T thực hiện ngay việc chuyển tiền đến các tài khoản game online để đánh bạc trên mạng hoặc các tài khoản ngân hàng mà T mua trực tuyến trên mạng Internet, sau đó chuyển tiền vào tài khoản mang tên Lê Ngọc L của Ngân hàng Vietcombank, số tài khoản 0771000610514, để từ đó rút ra sử dụng vào mục đích cá nhân.*

Với cách thức phạm tội đó, Lê Anh T đã cùng Nguyễn Ngọc T, Nguyễn T D thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản của các bị hại, cụ thể như sau:

### **1. Hành vi phạm tội của Lê Anh T và Nguyễn Ngọc T:**

Tháng 9 năm 2019, Lê Anh T gặp Nguyễn Ngọc T ở thành phố Đà Nẵng. Tại đây T rủ T cùng tham gia với T thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của những người mua bán hàng hóa trên mạng Internet và được T đồng ý. Sau đó T và T về thành phố H thuê căn hộ số 413 Chung cư X, phường X, thành phố H để ở và làm địa điểm thực hiện hành vi phạm tội. Tại đây, T giao cho T máy tính hiệu Asus để T cùng T tạo ra các tài

khoản Facebook rồi sử dụng các tài khoản này lên mạng nhắn tin đến những người bán hàng. Khi T biết những người bán hàng đã bị lừa thì T đưa thông tin về tài khoản, số điện thoại cho T để T thực hiện chiếm đoạt tiền của bị hại với cách thức nêu trên, khi số tiền này được chuyển đến các tài khoản ngân hàng mà T mua trước đó (tài khoản trung gian) thì cả hai sẽ đi rút tiền hoặc chuyển vào tài khoản Lê Ngọc L đến khi cần thì T sẽ đi rút để cả hai cùng tiêu xài. Ngoài ra, T còn chuyển tiền chiếm đoạt được từ tài khoản của bị hại đến tài khoản mang tên Đặng Hữu Anh mở tại Ngân hàng T, số tài khoản 19035217220016, để chuyển hóa tiền lừa đảo chiếm đoạt được thành tiền thắng game. Phân tích lịch sử giao dịch của các tài khoản này và lời khai nhận của các bị cáo xác định:

- Đối với tài khoản Lê Ngọc L (số tài khoản 0771000610514) mở tại Ngân hàng Vietcombank: từ ngày 30/12/2019 đến ngày 24/01/2021 thể hiện có 12 lần giao dịch với số tiền 326.600.000 đồng, trong đó có 10 lần là tiền mà hai bị can chiếm đoạt được của bị hại với số tiền là 226.600.000 đồng. Lê Anh T và Nguyễn Ngọc T đều khai nhận mặc dù không nhớ rõ các tài khoản ngân hàng rút tiền trung gian, tuy nhiên khi lừa được tiền của các bị hại thì T và T đều chuyển tiền từ tài khoản trung gian vào tài khoản Lê Ngọc L để cần thì rút tiêu xài:

- + Ngày 30/12/2019 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 12 triệu đồng;
- + Ngày 31/12/2019 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 22 triệu đồng;
- + Ngày 31/12/2019 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 19 triệu đồng;
- + Ngày 01/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 30 triệu đồng;
- + Ngày 02/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 20 triệu đồng;
- + Ngày 10/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 20 triệu đồng;
- + Ngày 12/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 10,6 triệu đồng;
- + Ngày 16/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 28 triệu đồng;
- + Ngày 22/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 15 triệu đồng;
- + Ngày 23/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 50 triệu đồng;
- + Ngày 24/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 50 triệu đồng;
- + Ngày 24/01/2020 nộp vào tài khoản Lê Ngọc L số tiền 50 triệu đồng;

Đối với 02 giao dịch chuyển vào tài khoản Lê Ngọc L ngày 24/01/2020, số tiền 100 triệu (mỗi lần 50 triệu) được xác định là tiền rút ra từ một tài khoản trung gian mà T không nhớ, là tài khoản T dùng để yêu cầu đại lý game (có tài khoản tên Đặng Hữu Anh, số tài khoản 19035217220016 mở tại Ngân hàng T) chuyển tiền cho T khi T thắng game, không phải tiền lừa đảo chiếm đoạt được.

- Qua truy xuất dòng tiền mà bị cáo Lê Anh T chuyển vào tài khoản đại lý game mang tên Đặng Hữu Anh, số tài khoản 19035217220016 mở tại Ngân hàng T, Cơ quan điều tra xác định số tiền T và T lừa được của các bị hại từ ngày 14/01/2020 đến ngày 21/01/2020 đã chuyển vào tài khoản này gồm 05 giao dịch ở mục diễn giải được ghi là “Bachquyen77dn gui huu anh doi tien mat” với tổng số tiền là 118.650.000 đồng, cụ thể: ngày 14/01/2020 chuyển vào tài khoản

Đặng Hữu Anh 03 lần số tiền 900.000 đồng, 10.000.000 đồng và 6.300.000 đồng; ngày 16/01/2020 chuyển 01 lần 1.450.000 đồng và ngày 21/01/2020 chuyển 01 lần 100.000.000 đồng (số tiền chiếm đoạt ngày 21/01/2020 xác định của bà Nguyễn Thị T, Hà Nội).

Như vậy, tổng số tiền mà T và T cùng nhau tham gia chiếm đoạt của các bị hại sau đó nộp vào hai tài khoản trên xác định là 226.600.000 đồng + 118.650.000 đồng, tổng cộng là: 345.250.000 đồng.

Quá trình thực hiện hành vi phạm tội T và T thỏa thuận chia đôi số tiền khi chiếm đoạt được của bị hại để sử dụng, do đó số tiền T thu lợi bất chính trong vụ án này là 172.625.000 đồng, T thu lợi bất chính khi cùng thực hiện tội phạm với T là 172.625.000 đồng. Sau đó, T nhận thấy hành vi phạm tội của mình dễ bị cơ quan Công an phát hiện, truy bắt nên T không tham gia nữa mà bỏ về địa phương.

## **2. Hành vi phạm tội của Lê Anh T và Nguyễn T D:**

Sau khi T bỏ về nhà thì T một mình tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Sau đó T quen biết Nguyễn T D sau nhiều lần đi chơi và hát karaoke Win Win tại đường Lê Lợi, thành phố H, T đã rủ rê D tham gia vào việc phạm tội và hứa sẽ trả công cho D mỗi tháng 15 triệu đồng, D đồng ý tham gia. T trực tiếp hướng dẫn cách thức chiếm đoạt tiền của bị hại để D thực hiện và đưa máy tính Asus để D sử dụng. Tuy nhiên, do D không lừa được ai nên T trực tiếp thực hiện hành vi lừa đảo một mình và từ ngày 20/4/2020, T giao nhiệm vụ cho D cầm các thẻ ATM đi rút và nộp tiền theo yêu cầu của T.

Phân tích lịch sử giao dịch các tài khoản ngân hàng mà T đã sử dụng để lừa đảo và lời khai nhận của các bị cáo xác định hành vi phạm tội của Lê Anh T cụ thể như sau:

### **\* Đối với nhóm bị hại đã xác định được rõ nhân thân, lai lịch:**

T đã thực hiện hành vi phạm tội lừa đảo đối với 14 bị hại chiếm đoạt tổng số tiền trong các tài khoản các loại là **879.363.960 đồng**, cụ thể:

*Vụ thứ nhất:* vào ngày 28/3/2020, T dùng Facebook tên “lyly phuong” hỏi mua kính để bàn do anh Nguyễn Văn Hiếu, sinh năm 1993, trú tại tổ 13, phường Hòa Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đăng bán. Sau đó chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của anh Phạm Sỹ C (bạn anh H) số tiền 15.900.000 đồng.

*Vụ thứ 02:* vào ngày 21/5/2020, T dùng Facebook tên “phuong lyly” hỏi mua quạt điều hòa sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của chị Lê Thị T, trú tại tỉnh Hà Tĩnh. Sau đó chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của chị T số tiền 10.211.000 đồng.

*Vụ thứ 03:* vào ngày 21/5/2020, T dùng Facebook tên “Đương B Linh” hỏi mua ghế Sopha, sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của anh Nguyễn

Hoàng D, sinh năm 1988, trú tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của anh D số tiền 9.750.000 đồng.

*Vụ thứ 04:* vào ngày 23/5/2020, T dùng Facebook tên “Đương B Linh” hỏi mua máy lạnh sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của anh Đào Duy C, số CMND X, trú tại tỉnh Bình Thuận. Sau đó chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của anh C số tiền 25.000.000 đồng.

*Vụ thứ 05:* vào ngày 23/5/2020, T dùng Facebook tên “Đương B Linh” hỏi mua ti vi sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của anh Đặng Đại T, số CMND X, trú tại tỉnh Bình Thuận. Sau đó chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của anh Thuận số tiền 2.240.000 đồng.

*Vụ thứ 06:* vào ngày 30/5/2020, T dùng Facebook tên “lyly phuong” hỏi mua hai tủ gỗ sau đó chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của chị Bùi Thị N, sinh năm 1997, trú tại số thành phố Hà Nội số tiền 12.350.000 đồng. (chị N nhờ tài khoản V của chị Nguyễn Thị Thu H)

*Vụ thứ 07:* vào ngày 31/5/2020, T dùng Facebook tên “Zenny phuong” hỏi mua bộ ấm chén sau đó chiếm đoạt số tiền trong tài khoản của anh Phạm Minh C, sinh năm 1998, trú tại thành phố Hà Nội. Số tiền 50.000.000 đồng.

*Vụ thứ 08:* vào ngày 23/5/2020, T dùng Facebook tên “Đương B Linh” hỏi mua máy giặt sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của anh Lê Hoài B, sinh năm 1992, trú tại thành phố Hồ Chí Minh, số tiền: 2.000.000 đồng.

*Vụ thứ 09:* vào ngày 04/6/2020, T dùng Facebook tên “My T Cali” hỏi mua bàn ghế sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của anh Nguyễn Mậu L, sinh năm 1982, trú tại thành phố Hồ Chí Minh, số tiền: 499.000.000 đồng.

*Vụ thứ 10:* vào ngày 04/6/2020, T dùng Facebook tên “My T Cali” hỏi mua loa sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của anh Nguyễn Hữu T C, sinh năm 1983, thành phố Hồ Chí Minh, số tiền: 100.000.000 đồng.

*Vụ thứ 11:* vào ngày 04/6/2020, T dùng Facebook tên “My T Cali” hỏi mua quạt hơi nước sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của chị D Thị Nhật T, sinh năm 1993, trú tại thành phố Hồ Chí Minh, số tiền: 9.700.000 đồng.

*Vụ thứ 12:* vào ngày 16/6/2020, T dùng Facebook tên “Phuong” hỏi mua tivi sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của chị Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1999, trú tại thành phố Hà Nội, số tiền: 3.998.000 đồng.

*Vụ thứ 13:* vào ngày 08/6/2020, T dùng Facebook tên “Phuong Nenny” hỏi mua bàn vi tính sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của anh Trần Minh T, trú tại thành phố Hồ Chí Minh, số tiền: 112.000.000 đồng.

*Vụ thứ 14:* vào ngày 15/6/2020, T dùng Facebook tên “lyly Phuong” hỏi mua 26 chiếc ghế xoay sau đó chiếm đoạt số tiền trên tài khoản của chị Trần Thị Thúy N, sinh năm 1998, trú tại thành phố Đà Nẵng, số tiền: 27.214.960 đồng.

**\* Đối với các bị hại không xác định được nhân thân, lai lịch:**

Ngoài các bị hại đã xác định được nhân thân, lai lịch trên, T còn lừa đảo chiếm đoạt được số tiền **1.602.925.640 đồng** của những người khác (không xác định được nhân thân, lai lịch, cụ thể: Cơ quan điều tra đã xác định qua các tài khoản Lê Anh T đã sử dụng để lừa đảo và T thừa nhận số tiền là 2.566.390.000 đồng là tiền T chiếm đoạt mà có từ các bị hại (trong đó: số tiền xác định được của 14 bị hại là 879.363.960 đồng), cụ thể:

+ Tài khoản ngân hàng X mang tên Đỗ Phúc Q, số tài khoản 11723987, từ ngày 22/4/2020 đến ngày 27/4/2020 có 10 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với tổng số tiền 275.200.000 đồng;

+ Tài khoản ngân hàng X mang tên Nguyễn Thế D, số tài khoản 12952097, từ ngày 09/6/2020 đến ngày 15/6/2020 có 08 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với tổng số tiền 103.560.000 đồng;

+ Tài khoản ngân hàng V mang tên Nguyễn Thế D, số tài khoản 100871719550. Ngày 08/6/2020 có 01 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với tổng số tiền 112.000.000 đồng;

+ Tài khoản ngân hàng V mang tên Phạm Hoàng B, số tài khoản 108871754134, từ ngày 15/6/2020 đến ngày 16/6/2020 có 04 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với số tiền 20.000.000 đồng;

+ Tài khoản ngân hàng X mang tên Ninh Thế M, số tài khoản 12176417, từ ngày 27/4/2020 đến ngày 08/6/2020 có 19 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với số tiền 520.240.000 đồng;

+ Tài khoản ngân hàng X mang tên Đoàn Tiến V, số tài khoản 12448207, từ ngày 05/6/2020 có 01 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với số tiền 200.000.000 đồng;

+ Tài khoản ngân hàng X mang tên Nguyễn Phước Minh Đ, số tài khoản 12240797, từ ngày 29/4/2020 đến ngày 25/5/2020 có 18 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với số tiền 442.890.000 đồng;

+ Tài khoản ngân hàng V mang tên Đặng Thanh T, số tài khoản 101871638303, từ ngày 24/5/2020 đến ngày 06/6/2020 có 13 giao dịch chuyển, nhận tiền chiếm đoạt được của bị hại với số tiền 892.500.000 đồng.

**\* Đối với hành vi đồng phạm, giúp sức của Nguyễn T D:**

Căn cứ lịch sử rút tiền từ các tài khoản mà T đã lừa đảo và lời khai nhận của bị cáo xác định từ ngày 20/4/2020 đến ngày 11/6/2020, D đã đi rút tiền lừa đảo chiếm đoạt được tại 03 tài khoản cụ thể như sau:

+ Từ tài khoản ngân hàng T mang tên Nguyễn T D, số tài khoản 19034413560015: có 18 giao dịch với số tiền **374.500.000 đồng**

+ Từ tài khoản ngân hàng I Bank mang tên Nguyễn Văn D, số tài khoản 043704060118354: có 08 giao dịch với số tiền **307.540.000 đồng**.

+ Từ tài khoản ngân hàng A Bank mang tên Nguyễn Văn D, số tài khoản 0371021699043: 03 giao dịch với số tiền **27.000.000** đồng.  
D được T trả công số tiền 33.000.000 đồng.

*[2] Tại bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 08-4-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:*

Tuyên bố: các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn T D, Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt: bị cáo Lê Anh T 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18/6/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn T D 10 (mười) năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 18/6/2020.

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T 04 (bốn) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam thi hành án, nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 18/6/2020 đến ngày 23/4/2021.

*[3] Kháng cáo:*

Ngày 23-4-2022 bị cáo Lê Anh T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; trình bày lý do kháng cáo là gia đình có công cách mạng, Bố đang bệnh nặng, bản thân là lao động duy nhất trong gia đình, có 03 người Bác là liệt sỹ,

Ngày 20-4-2022 bị cáo Nguyễn T D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, với lý do bản án sơ thẩm quá nặng

Ngày 19-4-2022 bị cáo Nguyễn Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

*[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các bị cáo kháng cáo giữ nguyên đơn kháng cáo.



Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tổ tụng và tham gia tổ tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về nội dung kháng cáo: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận các kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, giữ nguyên quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### [1] Về hành vi phạm tội:

Từ tháng 12/2019 đến tháng 6/2020, Lê Anh T với sự giúp sức của Nguyễn Ngọc T và Nguyễn T D, với thủ đoạn tạo nhiều tài khoản Facebook giả làm người mua hàng đặt mua hàng của những người bán hàng trên mạng Internet. Khi người bán hàng tưởng thật, T đã yêu cầu đưa số tài khoản ngân hàng và số điện thoại để chuyển tiền thanh toán hóa đơn mua hàng và phí vận chuyển. Sau khi lừa đảo lấy cắp thông tin tài khoản ngân hàng và mã OTP của họ theo cách thức như cáo trạng đã xác định, T đã thực hiện các thao tác trên máy tính và điện thoại kết nối Internet chuyển toàn bộ số tiền trong tài khoản của các bị hại đến các tài khoản mà T sử dụng để phạm tội, sau đó tiếp tục chuyển tiền về cất giữ ở tài khoản của mình, rồi chiếm đoạt. Với các hành vi như trên, các bị cáo đã chiếm đoạt của các bị hại tổng số tiền 2.911.640.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã quyết định các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn T D và Nguyễn Ngọc T phạm tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định Điều 290 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

#### [2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Anh T

Bị cáo Lê Anh T là người trực tiếp lập trang Website giả chuyển tiền nhanh để chiếm đoạt tiền của những người bán hàng trên các Website mua bán trực tuyến, rủ rê lôi kéo các bị cáo D, T và trực tiếp tham gia tất cả các vụ lừa đảo trong vụ án nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tất cả số tiền chiếm đoạt được là 2.911.640.000 đồng, trong đó bị cáo T được hưởng là 2.739.015.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có 02 tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*” và “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho hai người bị hại trong vụ án và nộp số tiền 20.000.000đ (mẹ của bị cáo là bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế theo biên lai thu số 005885 ngày 06/8/2021) để khắc phục cho các bị hại khác. Bị cáo T có 03 người bác ruột là Liệt sĩ, ông bà Nội có công với cách mạng, bà Nội được Nhà nước truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”; chị Trần Thị Thúy Nga có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Lê Anh T 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới, nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn T D, là người cùng tham gia với vai trò giúp sức từ ngày 20/4/2020 đến ngày 11/6/2020; bị cáo là người đã thực hiện các hành vi rút tiền tại các máy ATM và nộp tiền theo yêu cầu của bị cáo T; số tiền chiếm đoạt mà bị cáo D phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này là 709.040.000 đồng; số tiền D được chia là 33.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo D đã phạm vào tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo D đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế số tiền 10.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000010 ngày 08/12/2021. Bị cáo D có thời gian tham gia quân đội phục vụ tại đảo T là nơi đặc biệt khó khăn với thời gian 14 tháng, được đơn vị đảo T - Vùng 5 Hải quân chứng nhận; bị hại là chị Trần Thị Thúy N có ý kiến đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo D; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự

Bản án hình sự sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đồng thời áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo D 10 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm phiếu thu 23.200.000 đồng để khắc phục hậu quả và án phí sơ thẩm; tuy nhiên do bị cáo phạm tội ở khung hình phạt cao, hình phạt của bị cáo đã ở dưới mức thấp nhất của khung

hình phạt và tình tiết giảm nhẹ này không đáng kể, nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T tham gia phạm tội cùng T trong thời gian từ ngày 30/12/2019 đến ngày 24/01/2020, số tiền bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này là 345.250.000 đồng, T được chia là 172.625.000 đồng. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 290 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có một tình tiết tăng nặng “*phạm tội hai lần trở lên*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo T cũng đã tự nguyện nộp số tiền 25.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005882 ngày 28/7/2021 và 20.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 005895 ngày 21/9/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế để khắc phục cho bị hại, nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b,s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất và hậu quả của hành vi phạm tội, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đồng thời áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 04 năm 09 tháng tù. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm phiếu thu 10.000.000 đồng khắc phục hậu quả, cung cấp Giấy xác nhận có ông Nội là Nguyễn Văn Chúc là Liệt sỹ, ông Ngoại Nguyễn Hữu Uyên là Liệt sỹ. Do mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo thấp nhất, bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có thời gian tham gia phạm tội ngắn rồi tự ý thức dừng lại không tiếp tục phạm tội nữa; đồng thời có thêm tình tiết giảm nhẹ mới, nên xem xét chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng am treo; giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Riêng về các khoản tiền mà gia đình bị cáo Nguyễn T D nộp theo Biên lai thu tiền số 0000271 ngày 05-8-2022 số tiền 13.000.000 đồng và Biên lai thu tiền số 0000254 ngày 09-6-2022 số tiền là 10.200.000 đồng; gia đình bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp tại Biên lai thu tiền số 0000258 ngày 27-6-2022 số tiền là 10.000.000 đồng (các Biên lai thu của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế) là để khắc phục hậu quả và án phí sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm, Cơ quan Thi hành án thi hành theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn T D phải chịu mỗi bị cáo là 200.000 đồng; bị cáo Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Anh T, Nguyễn T D; chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Ngọc T, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 23/2022/HS-ST ngày 08-04-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Lê Anh T 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 18-6-2020.

3. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn T D 10 (mười) năm tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam 18-6-2020.

4. Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 290; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Ngọc T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “*Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giam thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn tạm giam từ ngày 18-6-2020 đến ngày 23-4-2021.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo Lê Anh T phải chịu 200.000 đồng, bị cáo Nguyễn T D phải chịu 200.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Ngọc T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6- Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Vụ I-Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục Thi hành án DS Thừa Thiên Huế;
- Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an TTH;
- Bị cáo (TTG tổng đạt cho bị cáo);
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Tấn Long**